

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 28-6-2023.  
V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tơ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Lê Văn Tài

- Ông Nguyễn Văn Tường

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Kiên Hòa –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Mộng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2023/TLST–HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương H, sinh năm 1987. Địa chỉ: 65/4, ấp X, xã TT, huyện T. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phan Thành K, sinh năm 1983. Địa chỉ: 6/8, ấp K, xã M, huyện T. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Nguyễn Thị Phương H trình bày:*

Chị và anh Phan Thành K kết hôn vào năm 2013; hôn nhân tự nguyện; chị và anh K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/7/2013. Trong thời gian chung sống chị và anh K có 01 con chung Phan Thành P, sinh ngày 16/6/2014 và hiện con chung đang sống chung với chị. Chị và anh K không tạo lập được tài sản chung, nợ chung: không có.

Lý do không còn sống chung: Trong thời gian sống không hạnh phúc, quan điểm sống không giống nhau, thường phát sinh mâu thuẫn nên chị và anh K đã không còn sống chung khoảng 06 năm. Gia đình hai bên có hàn gắn cho chị và anh K nhưng không thành do chị cũng có mâu thuẫn với gia đình chồng.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị có các yêu cầu sau:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Phan Thành K. Không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn.

- Về con chung: Chị yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Phan Thành P, sinh ngày 16/6/2014 và chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Ngày 12/5/2023 chị Nguyễn Thị Phương H có đơn xin vắng mặt.

*Theo nội dung biên bản lấy lời khai ngày 25/4/2023 bị đơn Phan Thành K trình bày:*

Anh và chị H có đăng ký kết hôn vào năm 2017. Sau khi kết hôn thì anh và chị H cùng sống tại nhà anh tại ấp K, xã M, huyện T. Trong thời gian chung sống anh, chị có 01 con chung tên Phan Thành P, sinh ngày 16/6/2014; con chung đang sống chung với chị H tại xã TT. Sau khi kết hôn thời gian đầu anh và chị H sống hạnh phúc nhưng khoảng 02 năm sau thì phát sinh mâu thuẫn, cự cãi không tìm được tiếng nói chung nên chị H không sống chung với anh khoảng 04 năm nay. Thỉnh thoảng anh có đến thăm con và cho tiền cháu đi học. Anh và chị H không tạo lập được tài sản chung, nợ chung: không có. Trong thời gian không còn sống chung thì anh có chủ động hàn gắn tình cảm với chị H nhưng chị H không đồng ý.

Trước các yêu cầu của chị H, anh K có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: anh K đồng ý ly hôn với chị H. Không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn.

- Về con chung: anh K đồng ý giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi và anh không cấp dưỡng nuôi con chung; anh sẽ cho tiền con chung trong khả năng của anh.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: chị H có quyền yêu cầu theo quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình. Về nội dung yêu cầu khởi kiện: anh K và chị H kết hôn là do tự nguyện và có đăng ký kết hôn; do đó hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Chị K trình bày quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, cả hai đã ly thân khoảng 6 năm nay nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh K. Anh K cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Kết quả xác minh xác định: vợ chồng anh K và chị H đã không còn sống chung. Do đó, nhận thấy tình cảm vợ chồng của anh K và chị H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ

chồng không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với anh K của chị H là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn nên không xem xét.

Về con chung: có 01 con chung tên Phan Thành P, sinh ngày: 16/6/2014. Cháu P trên 7 tuổi nên thuộc trường hợp lấy ý kiến theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Kết quả lấy ý kiến: cháu P có nguyện vọng sống chung với mẹ. Đồng thời, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu anh K cấp dưỡng và anh K cũng đồng ý. Do đó, giao cháu P cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 71, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương H.

Về hôn nhân: chị H được ly hôn với anh K. Về con chung: chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Thành P; anh K không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Căn cứ Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con do chị H đã rút yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Anh Phan Thành K có đăng ký hộ khẩu 6/8 ấp Thạnh Khương A, xã Mỹ Hưng, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị Phương H có yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Phan Thành K đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh K vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H, anh K.

[4] Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Phương H và anh Phan Thành K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Thới Thạnh, huyện Thạnh Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/7/2013. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị H và anh K được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân chị H xin ly hôn với anh K là do sống không hạnh phúc, quan điểm sống không giống nhau, thường phát sinh mâu thuẫn nên chị và anh K đã không còn sống chung khoảng 06 năm. Gia đình hai bên có hàn gắn cho chị và anh K nhưng không thành do chị cũng có mâu thuẫn với gia đình chồng. Anh K thừa nhận sau khi kết hôn thời gian đầu anh

và chị H sống hạnh phúc nhưng khoảng 02 năm sau thì phát sinh mâu thuẫn, cứ cãi không tìm được tiếng nói chung nên chị H không sống chung với anh khoảng 04 năm nay. Qua yêu cầu xin ly hôn của chị H thì anh K đồng ý. Do đó có căn cứ kết luận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị H và anh K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương H là phù hợp.

[5] Về con chung: chị Nguyễn Thị Phương H và anh Phan Thành K có 01 con chung tên Phan Thành P, sinh ngày 16/6/2014; khi ly hôn chị H có yêu cầu trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, hiện nay con chung Phan Thành P có nguyện vọng sống chung với chị H và anh K cũng đồng ý với yêu cầu nuôi con chung của chị H. Lễ đó cần giao con chung Phan Thành P cho chị Nguyễn Thị Phương H trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Do chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

[6] Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn do chị H và anh K không có yêu cầu.

[7] Về tài sản chung: chị H và anh K trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về nợ chung: chị H và anh K trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Chị Nguyễn Thị Phương H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 227, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương H. Chị Nguyễn Thị Phương H được ly hôn với anh Phan Thành K. Không xem xét giải quyết yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn do chị H và anh K không có yêu cầu.

2. Về con chung: chị Nguyễn Thị Phương H được trực tiếp nuôi con chung tên Phan Thành P, sinh ngày 16/6/2014. Do chị Nguyễn Thị Phương H không yêu cầu

nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Phan Thành K nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về tài sản chung: chị Nguyễn Thị Phương H và anh Phan Thành K trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: chị Nguyễn Thị Phương H và anh Phan Thành K trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Phương H phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001989 ngày 03/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã Thới Thạnh;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Tơ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trịnh Xuân Tùng-Lê Khắc Hiệp**

**Nguyễn Thị Tơ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Thanh Hùng-Mai Văn Thắng**

**Nguyễn Thị Tơ**

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đường sự;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã An Nhơn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Tơ**



